

THÔNG BÁO

**Về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018
cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Măng Cành**

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Về việc Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh Kon Tum và dự toán chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum năm 2018;

Căn cứ số liệu diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2018 trên địa bàn xã Măng Cành được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Hạt Kiểm lâm huyện Kon Plông và UBND xã Măng Cành xác nhận.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định và thông báo chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2018 cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Măng Cành, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền chi trả DVMTR năm 2018: 2.399.871.239 đồng (*Hai tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi một ngàn, hai trăm ba mươi chín đồng*), trong đó:

- Tiền chi trả DVMTR đã tạm ứng: 1.346.530.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng*);

- Tiền chi trả DVMTR thanh toán đợt này: 1.053.341.239 đồng (*Một tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi một ngàn, hai trăm ba mươi chín đồng*).

(*có biểu chi tiết kèm theo*)

2. Trách nhiệm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Măng Cành:

2.1. Khẩn trương lập thủ tục thanh toán tiền DVMTR năm 2018 gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 25/01/2019 theo địa chỉ: số 11 Trần Nguyên Hãn, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để kiểm tra, chi trả theo quy định.

2.2. Quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày



08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng và các quy định khác có liên quan.

2.3. Xác định và chi trả tiền DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát về tình hình quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR của các cơ quan chức năng; thực hiện thanh quyết toán theo loại hình hoạt động của đơn vị mình và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo để Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Măng Cành biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Quỹ Bảo vệ và PTR xã Măng Cành;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Kon Plông;
- Phòng TC-KH huyện Kon Plông;
- Giám đốc;
- Phòng TC-HC-KT;
- Lưu VT, KHKT.

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Hoàng



UBND TỈNH KON TUM
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 21/TB-QBVPTR ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

1 Tên bên cung ứng: Ủy ban nhân dân xã Măng Cành.

2 Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
1	2	3	4	5	6=5*4	7	8=6-7
	Tổng	3.034,27	2.730,84		2.399.871.239	1.346.530.000	1.053.341.239
I	Lưu vực Sông Sê San	2.268,31	2.041,48	827.746	1.689.826.319	948.134.965	741.691.354
1	Nhà máy thủy điện IaLy	2.268,31	2.041,48	435.274	888.603.552	498.581.474	390.022.077
2	Nhà máy thủy điện Sê San 3	2.268,31	2.041,48	145.447	296.927.948	166.601.601	130.326.347
3	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	2.268,31	2.041,48	27.792	56.736.274	31.833.831	24.902.443
4	Nhà máy thủy điện Sê San 4	2.268,31	2.041,48	152.385	311.090.782	174.548.144	136.542.638
5	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	2.268,31	2.041,48	20.016	40.863.106	22.927.646	17.935.460
6	Nhà máy thủy điện Đăk Ne	2.268,31	2.041,48	40.959	83.616.020	46.915.634	36.700.387
7	Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	2.268,31	2.041,48	5.873	11.988.636	6.726.635	5.262.001
II	Lưu vực Nhà máy thủy điện Đăk Lô	765,96	689,36	1.030.000	710.044.920	398.395.035	311.649.885